

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

Bản án số: 67/2025/DS-ST
Ngày: 27-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lem

Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐST-DS ngày 15 ngày 9 tháng 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp Q, xã C, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995 và ông Phan Tuấn A, sinh năm 1998. Cùng địa chỉ: khu phố B, phường B, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre) theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2025.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp Q, xã C, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp Q, xã C, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh

Bến Tre).

Ông A, bà M có mặt. Ông P, ông U vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L là ông Phan Tuấn A trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 21/10/2024, bà L có cho vợ chồng bà M, ông U vay số tiền 500.000.000 đồng. Việc vay tiền bà M có viết giấy tay và ký tên, ông U chồng bà M có mặt chứng kiến nhưng do bà L tin tưởng bà M nên không yêu cầu ông U cùng ký tên giấy mượn tiền. Việc cho vay tiền không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay nhưng có thỏa thuận khi nào bà M, ông U đáo hạn ngân hàng sẽ trả tiền lại cho bà L. Sau khi bà M, ông U đáo hạn ngân hàng xong thì không trả lại tiền cho bà L. Bà L đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà M, ông U trả tiền nợ vay nhưng bà M, ông U chỉ trả được cho bà L số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và 28.500.000 đồng tiền lãi. Số tiền nợ còn lại 450.000.000 đồng, bà M, ông U hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả nên phát sinh tranh chấp. Bà M, ông U là vợ chồng hợp pháp, sống chung nhà, việc vay tiền nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng, vay vốn phát triển kinh tế gia đình.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà M, ông U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay gốc là 450.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Trước đây bà và ông U có nhờ anh của bà thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng cho bà, ông U mượn. Khi anh bà đến hạn trả nợ ngân hàng, ngày 21/10/2024, bà có vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng để đưa anh bà trả nợ đáo hạn ngân hàng. Sau khi đáo hạn ngân hàng, con anh bà sử dụng tiền vay mua xe nên không còn tiền cho bà mượn lại trả cho bà L. Bà thừa nhận có vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất là 100.000.000 đồng mỗi ngày tiền lãi 400.000 đồng. Bà đóng lãi được cho bà L số tiền là 28.500.000 đồng, do bà chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà đồng ý trả tiền lãi cho bà L, không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi nêu trên. Giấy mượn tiền ngày 21/10/2024 là do bà viết và ký tên tại nhà bà L, không có ông U. Bà vay tiền của bà L thì ông U chồng bà không biết. Bà và ông U là vợ chồng hợp pháp, sống chung nhà. Việc bà mượn tiền anh của bà để chăn nuôi, trồng trọt, buôn bán nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình.

Nay bà đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng ông U trả cho bà L số tiền nợ vay gốc là 450.000.000 đồng, không trả lãi.

3. Ông Nguyễn Văn U vắng mặt nhưng theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án ông trình bày:

Vợ ông là bà M vay tiền của bà L khi nào thì ông không biết. Ông không có ký tên vào giấy vay tiền và không có nhận tiền vay. Ông và bà M có nhờ anh của bà M đứng ra vay tiền của ngân hàng để cho vợ chồng ông bà mượn làm vốn mua bán trái cây, chăn nuôi, nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Đến ngày đáo hạn ngân hàng bà M mượn tiền trả cho anh vợ ông để đáo hạn ngân hàng nhưng sau khi đáo hạn ngân hàng anh của bà M sử dụng tiền để mua xe cho con nên không còn tiền cho vợ chồng ông bà mượn lại.

Việc bà M mượn tiền của bà L ông không biết nên ông không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng bà M trả nợ cho bà L.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn U.

Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền nợ 450.000.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn U, cư trú tại ấp Q, xã C, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre) trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn U đã được Tòa

án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông U là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Bà L yêu cầu bà M, ông U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ vay gốc là 450.000.000 đồng, không tính lãi. Theo bà L trình bày, do có mối quan hệ quen biết nên ngày 21/10/2024, bà L cho bà M, ông U vay số tiền 500.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Việc vay tiền có viết giấy tay do bà M viết và ký tên. Sau khi đáo hạn ngân hàng, bà M, ông U chỉ trả được cho bà L số tiền nợ là 50.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại 450.000.000 đồng bà L đã nhiều lần yêu cầu bà M, ông U trả nợ nhưng bà M, ông U không trả nên phát sinh tranh chấp. Bà M thừa nhận có vay tiền và đồng ý trả cho bà L số tiền 450.000.000 đồng. Còn ông U cho rằng bà M vay tiền của bà L thì ông không biết, ông không có ký tên vay tiền nên không đồng ý liên đới cùng bà M trả nợ cho bà L.

[2.1] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “Giấy mượn tiền” ngày 21/10/2024 thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị M “Có mượn của bà Lê Thị Mỹ L số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) để trả tiền cho Ngân hàng nông nghiệp, hứa lãnh tiền ra hoàn đủ nếu sai tôi chịu hoàn toàn trước pháp luật”, bà M có ký tên và ghi rõ họ tên người mượn. Bà M thừa nhận giấy mượn tiền là do bà viết, ký tên và thừa nhận có vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 450.000.000 đồng. Sự thừa nhận của hai bên đương sự là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà M đồng ý trả cho bà L số tiền nợ 450.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới: Xét thấy, bà M, ông U thừa nhận ông bà là vợ chồng hợp pháp, sống chung nhà và ông bà có nhờ anh bà M vay tiền Ngân hàng để cho ông bà mượn nên đây là nợ chung của vợ chồng. Đến ngày đáo hạn ngân hàng bà M đã vay tiền của bà L để trả cho anh bà M trả nợ ngân hàng. Mặc dù, ông U cho rằng ông không biết bà M vay tiền của bà L, ông không có ký tên giấy vay tiền và không có nhận tiền vay nhưng ông thừa nhận ông và bà M có vay tiền của anh bà M và đã trả xong. Nguồn tiền trả cho anh bà M được bà M vay của bà L để trả nợ chung của ông U, bà M nên số tiền nợ bà L được xem là tiền nợ chung của ông U, bà M. Mặc khác, bà M, ông U cũng thừa nhận ông bà vay tiền của anh bà M để làm vốn mua bán trái cây, trồng trọt, chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Hơn nữa, tại phiên tòa bà M cũng đồng ý liên đới cùng ông U có nghĩa vụ trả nợ cho bà L. Như vậy, có cơ sở để xác định số tiền nợ bà L là tiền nợ chung của bà

M, ông U nên bà L yêu cầu bà M, ông U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 450.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Bà L tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà M, ông U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 450.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + (50.000.000 đồng x 4%) = 22.000.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho bà L.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn U.

Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền nợ là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn U phải chịu số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) theo biên lai thu số 0012557 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Vĩnh Long).

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang